

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

Bản số: 26/2024/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Kiêm

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Thanh Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Văn N, sinh năm 1963, tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp trước khi phạm tội Chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã T8; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Công C và bà Tạ Thị G (đều đã chết); vợ: Bùi Thị X và 04 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N (có mặt).

- Bị hại: Ủy ban nhân dân tỉnh N.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang N1 – Chủ tịch.

Địa chỉ: Số C, Lê Hồng P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Mỹ H – Phó Giám đốc Sở T9, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- Bị hại: Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T- Chủ tịch.

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T1 - Phó Trưởng phòng Nông nghiệp, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Đăng N2, sinh năm 1959; nơi cư trú xóm G, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn M, ông Trần Ngọc D, chị Ngô Phương T2, chị Phạm Thị N3, ông Phạm Năng A, ông Phạm Hồng S, ông Tạ Đức C1, ông Nguyễn Mạnh T3 và chị Lê Thị Phương L (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hợp tác xã T8 (viết tắt là HTX T8) thành lập năm 2019, được Phòng tài chính - kế hoạch huyện Y cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX số 2700890584; địa chỉ trụ sở tại xóm H, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; ngành nghề chính là trồng cây dược liệu. Hội đồng quản trị của HTX có 03 thành viên gồm Vũ Văn N sinh năm 1963, trú tại xóm H, xã K là chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc; anh Vũ Văn T4 sinh năm 1969 trú tại xóm G xã K và anh Bùi Văn T5 sinh năm 1963 trú tại xóm 8 xã K. Trên thực tế Vũ Văn Nghĩa là người đóng góp 100% vốn, trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của HTX, anh T4 và anh T6 đứng tên, không góp vốn, không tham gia vào hoạt động quản lý của HTX T8 và được trả công theo công việc.

Từ năm 2021 đến năm 2022, lợi dụng chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo các Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 và Nghị quyết số 113/2020/NQ-HĐND 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020 đến hết năm 2021; Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 10/11/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Y xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu huyện Y giai đoạn 2021-2025, Vũ Văn N đã có hành vi lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ và đã nâng khống giá mua máy nông nghiệp cao hơn thực tế để chiếm đoạt ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 259.488.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 12/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh N ban hành Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết số 39/NQ) quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hình thức sản xuất tiên tiến, bền vững trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2019-2020. Trong đó: Hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp, gồm mua sắm máy móc, thiết bị nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp; ưu tiên cây lúa, sơ chế, sấy, bảo quản nông sản, với mức hỗ trợ 50% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị, tối đa không quá 150 triệu đồng/máy. Hỗ trợ cho đối tượng là: Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ trang trại, hộ gia trại. Ngày 09/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị Quyết số 113/2020/NQ-HĐND (viết tắt là Nghị quyết số 113/NQ) về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39/2018/NQ-HĐND, thời gian thực hiện đến hết năm 2021.

Tại Hướng dẫn số 1919/SNN-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh N, quy định quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 113/NQ-HĐND của HĐND tỉnh cụ thể như sau:

- Các tổ chức, cá nhân trong diện đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết 113 (gồm doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ trang trại, hộ gia trại) có nhu cầu mua máy nông nghiệp viết đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện mô hình mua máy nông nghiệp gửi đến UBND xã, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện kèm theo Bản thuyết minh thực hiện mô hình, dự án.

- Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với đại diện Sở Nông nghiệp, Sở Tài chính, UBND xã nơi có mô hình, dự án tiến hành kiểm tra điều kiện về quy mô sản xuất, nội dung hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ ...; lập biên bản kiểm tra điều kiện mô hình, dự án của tổ chức, cá nhân đã đề nghị hỗ trợ.

- Các tổ chức, cá nhân tự khảo sát, bỏ tiền ra mua máy nông nghiệp và thu thập các hồ sơ liên quan đến việc mua máy (báo giá, hợp đồng mua máy, hóa đơn, phiếu kiểm định, phiếu xuất kho, phiếu thu tiền...), lập báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình gửi đến UBND xã và Phòng Nông nghiệp huyện để đề nghị nghiệm thu.

- Phòng Nông nghiệp huyện phối hợp với đại diện Sở Nông nghiệp, Sở tài chính, UBND xã nơi có mô hình, dự án tiến hành kiểm tra, lập biên bản nghiệm thu mô hình, dự án hoàn thành đề nghị hỗ trợ. Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Nông nghiệp tổ chức thẩm định, lấy ý kiến góp ý của Sở T9, ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí sau đầu tư đối với các mô hình, dự án, gửi Sở tài chính để thông báo cấp phát kinh phí.

Sau khi được UBND xã K quán triệt, triển khai về chính sách hỗ trợ máy nông nghiệp theo Nghị quyết 39/NQ và Nghị quyết 113/NQ, Vũ Văn N đã biết rõ về chính sách hỗ trợ của UBND tỉnh đối với máy cấy, máy sấy lúa sẽ được hỗ trợ tối đa 50% kinh phí mua máy nhưng không quá 150.000.000 đồng/máy nên N đã nảy sinh ý định nâng không giá máy nhằm nhận được tối đa tiền hỗ trợ từ ngân sách của nhà nước. Tháng 01/2021 Vũ Văn N đứng tên HTX được liệu Khánh T7 đăng ký với UBND xã việc thực hiện mô hình, dự án mua 01 máy cấy và 02 máy sấy lúa. Theo quy định, N đã làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ, bao gồm: 01 đơn đề nghị hỗ trợ 02 máy sấy lúa kèm theo thuyết minh mô hình dự án, 01 đơn đề nghị hỗ trợ 01 máy cấy kèm theo thuyết minh mô hình, dự án; bản vẽ thiết kế, dự toán chi tiết, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã.

Ngày 01/2/2021, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Vũ Văn N, UBND xã K có tờ trình gửi UBND huyện và Phòng nông nghiệp huyện Y về việc hỗ trợ cơ giới hóa nông nghiệp trong đó có hỗ trợ cho HTX T8 01 máy cấy lúa và 02 máy sấy lúa. Ngày 25/8/2021 Phòng nông nghiệp huyện Y phối hợp với Sở Nông nghiệp cùng UBND xã K kiểm tra điều kiện triển khai thực hiện dự án, mô hình máy cấy lúa và máy sấy của HTX T8. Đoàn kiểm tra gồm: Về phía Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có ông Phạm Hồng S - Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, ông Phạm Năng A - Phó trưởng phòng Kế hoạch - tài chính; về phía

Phòng nông nghiệp huyện Y có ông Trần Ngọc D - Trưởng phòng, ông Nguyễn Mạnh T3 - Phó Trưởng phòng và Bà Ngô Phương T2 - viên chức; đại diện UBND xã K có ông Tạ Đức C1 - chủ tịch UBND xã. Đoàn không thực hiện kiểm tra các điều kiện như: diện tích nhà kho, diện tích mặt bằng, số vốn đối ứng, diện tích gieo trồng tại HTX T8 mà làm việc tại trụ sở UBND xã K, sau đó tiến hành lập biên bản thể hiện nội dung: thống nhất hỗ trợ 02 máy sấy lúa và 01 máy cấy cho HTX T8 và đề nghị HTX T8 sớm mua máy và hoàn thiện thủ tục thanh toán theo quy định của nhà nước.

Tháng 10/2021, để triển khai thực hiện mô hình, dự án, Vũ Văn N đã đến cửa hàng bán máy nông nghiệp Ngát Nhung tại xã K do ông Phạm Đăng N2 sinh năm 1959 làm chủ, mua 01 máy cấy lúa nhãn hiệu Kubota – Japan, mã hiệu SPU60 với giá 122.500.000 đồng, là máy cũ đã qua sử dụng. Cửa hàng N5 kinh doanh máy nông nghiệp đăng kí nộp thuế tại chi cục thuế khu vực K - Y, đã mua quyền hóa đơn bán hàng do cục thuế tỉnh N phát hành để kê khai và nộp thuế. Theo quy định, mặt hàng máy nông nghiệp không phải chịu thuế giá trị gia tăng mà chỉ phải chịu thuế thu nhập cá nhân tương ứng 0,5% giá trị hóa đơn bán hàng. Do muốn thu lợi nên khi bán hàng, xuất hóa đơn ông N2 đều thỏa thuận với khách hàng thu từ 5-10% giá trị hóa đơn để nộp thuế. Khi mua máy Vũ Văn N đặt vấn đề nhờ ông N2 thiết lập hồ sơ mua bán máy cấy là máy mới với giá 350.000.000 đồng/máy, bản thân ông N2 không biết về các chính sách hỗ trợ và không biết việc N sử dụng hồ sơ mua bán không đúng thực tế để làm gì nhưng vì muốn bán được máy cấy cho N và thu tiền bán hóa đơn nên đồng ý lập hồ sơ theo yêu cầu của N.

Ông N2 đã cung cấp cho N hồ sơ mua bán máy cấy gồm: 03 bản báo giá, 01 biên bản thương thảo hợp đồng, 01 hợp đồng mua bán máy cấy, 01 phiếu xuất kho, 01 biên bản giao nhận, 01 phiếu thu, 01 biên bản thanh lý hợp đồng, 01 giấy chứng nhận bảo hành, 01 hoá đơn bán hàng số 0038811 ghi ngày 04/10/2021 thể hiện nội dung: cửa hàng N5 bán cho HTX T8 01 máy cấy Kobuta mới với giá 350.000.000 đồng/máy. Ông N2 đã thu của N tổng số tiền 140.000.000 đồng (gồm tiền mua máy 122.500.000 đồng và 17.500.000 đồng tương ứng với 5% giá trị hóa đơn). N đã thanh toán tiền mua máy cấy nêu trên bằng tiền cá nhân của N.

Đối với 02 máy sấy lúa: Do cửa hàng N5 không kinh doanh máy sấy lúa nên tháng 9/2021 và tháng 11/2021 Vũ Văn N đã đến Công ty cổ phần T10, địa chỉ tại khu công nghiệp P, xã P, huyện C, thành phố Hà Nội mua các thiết bị của 02 máy sấy lúa như quạt, động cơ, sàn sấy... hết tổng số 84.024.000 đồng; mua một số thiết bị khác như quạt hút gió, ống dẫn khí, sắt hộp vuông...trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hết 173.800.000 đồng, sau đó thuê ông N2 lắp ráp 2 máy với tiền công là 12.000.000 đồng. Tổng chi phí mua hai máy sấy là 269.824.000 đồng. Mặc dù ông N2 không kinh doanh mặt hàng máy sấy nhưng khi Nghia đặt vấn đề nhờ ông N2 lập không thêm hồ sơ mua bán 02 máy sấy lúa, vì muốn lấy thêm tiền bán hóa đơn nên ông N2 vẫn nhận lời lập không cho N bộ hồ sơ mua bán hai máy

sấy lúa. Hồ sơ bao gồm: 06 bản báo giá, 02 biên bản thương thảo hợp đồng, 02 hợp đồng mua bán máy cấy, 02 phiếu xuất kho, 02 biên bản giao nhận, 02 phiếu thu, 02 biên bản thanh lý hợp đồng, giấy chứng nhận bảo hành, 02 hoá đơn bán hàng số 0038810 và số 0038809 cùng ngày 04/10/2021 thể hiện nội dung: ngày 04/10/2021 cửa hàng N5 bán cho HTX T8 02 máy sấy lúa mới giá 300.000.000 đồng/máy (các thông tin về máy sấy lúa cũng như giá máy, thời gian mua máy do N yêu cầu ông N2 đưa vào hóa đơn). Theo thỏa thuận, Vũ Văn N đã trả số tiền 30.000.000 đồng tương ứng với 5% giá trị hóa đơn cho ông N2.

Để hoàn thiện hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Vũ Văn N đã làm báo cáo đánh giá hiệu quả mô hình hỗ trợ theo sự hướng dẫn của chị Ngô Phương T2, nhân viên Phòng Nông nghiệp huyện Y; đồng thời xin xác nhận của ông Nguyễn Văn M - Phó chủ tịch UBND xã K vào 03 biên bản giao nhận và nghiệm thu máy giữa cửa hàng N5 và HTX T8, sau đó Vũ Văn N mang hồ sơ nộp cho Phòng Nông nghiệp huyện Y. Đến ngày 19/11/2021, Phòng Nông nghiệp phối hợp với Sở N, UBND xã K kiểm tra dự án hoàn thành nghiệm thu đề nghị hỗ trợ. Đoàn kiểm tra gồm: về phía Sở N có bà Phạm Thị N3 - Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ tổng hợp và bà Lê Thị Phương L - Chuyên viên Phòng K; về phía Phòng nông nghiệp huyện Y có ông Trần Ngọc D - Trưởng phòng; ông Nguyễn Mạnh T3 - Phó Trưởng phòng và bà Ngô Phương T2 - Viên chức; đại diện chính quyền địa phương là ông Tạ Đức C1 - Chủ tịch UBND xã cùng sự tham gia của Vũ Văn Nghĩa, tiến hành kiểm tra thực tế tại HTX T8. Quá trình kiểm tra đoàn ghi nhận: HTX T8 đã mua 01 máy cấy, máy mới 100%, số hiệu máy SPU60 – số khung 500783, máy vận hành tốt và đã xây dựng 02 hệ thống máy sấy lúa, máy mới 100% và máy vận hành tốt; HTX đã có đầy đủ hồ sơ mua máy móc theo đúng quy định của nhà nước. Kết luận của đoàn kiểm tra: thống nhất nghiệm thu và hỗ trợ cho HTX T8.

Ngày 09/12/2021 Phòng nông nghiệp huyện đã lập tờ trình về việc đề nghị cấp kinh phí thực hiện mô hình theo Nghị quyết số 113/NQ của HĐND tỉnh kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ của HTX T8 và một số hợp tác xã khác. Căn cứ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Nông nghiệp đã tiến hành thẩm định theo giá trị máy thể hiện trong hồ sơ rồi gửi đến Sở T9 đề nghị góp ý. Thấy hồ sơ đề nghị hỗ trợ máy sấy lúa và máy cấy lúa của HTX T8 đã đầy đủ các tài liệu theo Hướng dẫn số 1919/SNN-KHTC ngày 11/8/2021 của Sở Nông nghiệp, Sở T9 đã ban hành văn bản số 224/STC-NS ngày 24/01/2022 đề nghị Sở Nông nghiệp phối hợp với UBND huyện Y xem xét, quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ sau đầu tư.

Ngày 24/01/2022, Sở Nông nghiệp đã ban hành Quyết định số 45/QĐ-SNN về việc hỗ trợ kinh phí sau đầu tư thực hiện mô hình, dự án theo Nghị quyết 113/NQ cho UBND huyện Y, trong đó quyết định mô hình hỗ trợ 01 máy cấy lúa và 02 máy sấy lúa của Hợp tác xã T8 được hỗ trợ số tiền **450.000.000 đồng** (tương ứng với 50% kinh phí mua máy móc, thiết bị và tối đa không quá 150.000.000 đồng) từ nguồn Ngân sách tỉnh năm 2021. Sở T9 đã ban hành thông

báo cho UBND huyện Y và chuyển kinh phí hỗ trợ vào tài khoản của UBND huyện Y tại Kho bạc nhà nước huyện Y.

Ngày 25/01/2022, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc chuyển tiền hỗ trợ cho các Hợp tác xã trên địa bàn xã K. UBND xã K đã lập giấy rút dự toán ngân sách nhà nước để chuyển khoản tiền hỗ trợ **450.000.000 đồng** từ tài khoản của UBND xã K đến tài khoản số 3306201008922 của HTX T8 mở tại Ngân hàng N6 chi nhánh huyện Y. Vũ Văn N đã đến ngân hàng rút số tiền 450.000.000 đồng, sử dụng bù vào tiền đã bỏ ra mua máy cấy lúa, tiền hóa đơn cho ông N2, tiền mua máy móc, thiết bị và xây dựng 02 hệ thống máy sấy lúa.

Ngày 28/10/2022, UBND huyện Y xây dựng Đề án số 01/ĐA-UBND xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu huyện Y giai đoạn 2021-2025, trong đó hỗ trợ thực hiện đề án sản xuất lúa hữu cơ, hỗ trợ cơ giới hoá nông nghiệp đồng bộ: các loại máy cấy, máy làm đất đa năng, máy bơm vô ông...quy định hỗ trợ 10 máy cấy lớn tối đa không quá 70 triệu/dàn máy nhưng không vượt quá 29% tổng giá trị dàn máy. Đối tượng được hỗ trợ là: tổ chức và cá nhân, thời gian thực hiện từ năm 2021- 2025. Ngày 10/11/2022, Hội đồng nhân dân huyện Y ban hành Nghị quyết số 74/NQ-HĐND phê duyệt Đề án số 01 nêu trên, có hiệu lực từ ngày ban hành.

Căn cứ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ 01 máy cấy lúa và 02 máy sấy theo Nghị quyết số 113/NQ của HTX T8 đã được kiểm tra và nghiệm thu trong năm 2021 thì HTX T8 đủ điều kiện được nhận kinh phí hỗ trợ mua 01 máy cấy theo Nghị quyết số 74/NQ. Ngày 31/12/2022, UBND huyện Y đã ban hành Quyết định số 914/QĐ-UBND về việc phê duyệt cấp kinh phí hỗ trợ mua máy cấy phục vụ sản xuất theo Nghị quyết 74/NQ trong đó có nội dung hỗ trợ HTX T8 mua 01 máy cấy lúa số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 10/01/2023 Phòng Tài chính huyện Y đã ban hành Thông báo số 26/TB-TCKH về việc cấp kinh phí năm 2022 cho các xã và chuyển giao số tiền hỗ trợ cho UBND xã K. UBND xã K đã thông báo cho Vũ Văn N để cung cấp hồ sơ đề nghị hỗ trợ 01 máy cấy lúa theo Nghị quyết số 74/NQ.

Sau khi nhận được thông báo, Vũ Văn N đã sử dụng bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ mua 01 máy cấy lúa không đúng thực tế đã lập trước đó mà N đang lưu giữ tại nhà, photocopy ra rồi nộp về UBND xã K. Ngày 16/01/2023, UBND xã K đã lập giấy rút dự toán ngân sách nhà nước để chuyển khoản tiền hỗ trợ 70.000.000 đồng từ tài khoản của UBND xã K đến tài khoản của HTX T8. Khi có tiền hỗ trợ Vũ Văn N đã ra Ngân hàng N6 chi nhánh huyện Y để rút tiền mặt. Số tiền 70.000.000 đồng được N sử dụng để bù vào chi phí xây dựng nhà xưởng và làm đường vào HTX T8.

Như vậy Vũ Văn N đã mua 01 máy cấy lúa và 02 máy sấy lúa với tổng số tiền là 439.824.000 đồng, sau đó lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ, nâng giá trị mua 01 máy cấy lúa và 02 máy sấy lúa thành 950.000.000 đồng, đã được nhận kinh phí

hỗ trợ của nhà nước là 520.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 113/NQ của HĐND tỉnh, số tiền Vũ Văn N được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là (01 máy cấy lúa 140.000.000 đồng + 02 máy sảy lúa 299.824.000 đồng) x 50% = 219.912.000 đồng; theo Nghị quyết số 74/NQ của HĐND huyện Y, số tiền Vũ Văn N được hưởng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 01 máy cấy lúa 140.000.000 đồng x 29% = 40.600.000 đồng; tổng số tiền Vũ Văn N được hỗ trợ là 260.512.000 đồng. Số tiền N chiếm đoạt của ngân sách nhà nước là 520.000.000 – 260.512.000 = **259.488.000 đồng**.

* Việc thu giữ các tài liệu do bị cáo giao nộp, tài liệu do các cơ quan tổ chức cung cấp liên quan đến vụ án được chuyển theo hồ sơ giải quyết cùng vụ án.

* Về Trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Vũ Văn N đã tác động đến gia đình nộp số tiền 288.838.000 đồng để bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả. Cơ quan CSĐT đã nộp vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Ninh Bình để chuyển theo hồ sơ vụ án xử lý theo quy định.

Bà Đinh Thị Mỹ H, Phó giám đốc Sở T9 thay mặt UBND tỉnh Ninh Bình, ông Bùi Văn T1, Phó trưởng phòng Nông nghiệp huyện Y thay mặt UBND huyện Y yêu cầu bị can Vũ Văn N bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho ngân sách nhà nước.

Tại Bản cáo trạng số 11/CT-VKS NB - P1 ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố Vũ Văn N về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn N từ 30 đến 36 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo ngày 04/10/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Vũ Văn N phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 259.488.000 đồng cho ngân sách của UBND tỉnh N và UBND huyện Y. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đã nộp số tiền 288.838.000 đồng để khắc phục hậu quả. Trả lại cho bị cáo Vũ Văn N số tiền còn lại sau khi đã trừ các khoản bồi thường nói trên.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với lời khai của người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Năm 2021, 2022 với mục đích để nhận được tối đa số tiền hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo Nghị quyết số 113/NQ của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 74/NQ của Hội đồng nhân dân huyện Y, Vũ Văn N đã dùng thủ đoạn gian dối lập “không” các hợp đồng mua bán máy móc, thiết bị nâng giá trị mua cao hơn thực tế để đưa vào hồ sơ đề nghị hỗ trợ chiếm đoạt tổng số tiền **259.488.000** đồng từ nguồn ngân sách nhà nước, số tiền chiếm đoạt sử dụng để phục vụ cho mục đích cá nhân. Hành vi nêu trên của Vũ Văn N đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức

b) Có tính chất chuyên nghiệp

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Vũ Văn N với tội danh và điều luật đã viện dẫn như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn N đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh, cách ly khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Vũ Văn N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của nhà nước; trong quá trình hoạt động sản xuất nông nghiệp bị cáo N đã có nhiều thành tích được UBND tỉnh N tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh giỏi năm 2019-2020, Hội Đ tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Hội đồng y nhiệm kì 2018-2023; ngoài ra còn được UBND huyện Y và của Hội đồng y tỉnh N tặng 06 giấy khen; bị cáo có bố, mẹ vợ là người có công với cách mạng được UBND xã K xác nhận. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Vũ Văn N có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Vũ Văn N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện nay tài sản nhà, đất đã thế chấp ngân hàng do kinh doanh thua lỗ nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Vũ Văn N phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho ngân sách Nhà nước của bị hại là UBND tỉnh N số tiền 230.088.000 đồng và bị hại UBND huyện Y, tỉnh Ninh Bình số tiền 29.400.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo đã nộp số tiền 288.838.000 đồng để khắc phục hậu quả.

[5] Trong vụ án có ông Phạm Đăng N2 là chủ cửa hàng máy nông nghiệp N. Mặc dù cửa hàng chỉ bán cho HTX T8 của Vũ Văn N 01 máy cấy lúa nhãn hiệu Kubota đã qua sử dụng với giá 122.500.000 đồng, không bán máy sấy nhưng khi được N nhờ làm hồ sơ mua bán máy mới, ông N2 đã đồng ý và lập “khống” 03 Hợp đồng mua bán và xuất 03 hóa đơn bán hàng thể hiện nội dung cửa hàng Ngát N4 đã bán cho HTX được liệu Khánh Thủy 01 máy cấy lúa nhãn hiệu

Kubota với giá 350.000.000 đồng, là máy mới 100% và 02 máy sấy lúa mới với giá 300.000.000 đồng/máy. Bản thân ông N2 không biết về các chính sách hỗ trợ quy định trong các Nghị quyết của tỉnh và huyện Y, không biết việc N sử dụng hồ sơ mua bán không đúng thực tế trên để làm gì, mục đích ông N2 lập hồ sơ bán máy không đúng thực tế cho N để thu lợi từ việc bán hóa đơn. Do đó, ông N2 không đồng phạm với N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của ông Phạm Đăng N2 đã được cơ quan CSĐT Công an tỉnh N ra Quyết định khởi tố vụ án số 68/QĐ-CSKT và Quyết định khởi tố bị can số 138/QĐ-CSKT ngày 09/11/2023 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại điều 203 Bộ luật Hình sự, vụ án đang được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với ông N2 trong vụ án này.

- Đối với những cá nhân thuộc Sở N; Phòng Nông nghiệp huyện Y, UBND xã K: đã buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, hướng dẫn các cá nhân, tổ chức thực hiện các dự án để nhận kinh phí hỗ trợ theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân huyện Y. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ để xem xét xử lý trong một vụ án khác.

[6] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo bị tuyên là có tội nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Vũ Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Vũ Văn N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: ngày 04/10/2023.

1. **Về trách nhiệm dân sự:**

Buộc bị cáo Vũ Văn N phải bồi thường trả lại cho ngân sách Nhà nước (của 2 bị hại) số tiền 259.488.000 đồng đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh N được nhận lại số tiền là **230.088.000** đồng.

- Ngân sách của Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình được nhận lại số tiền **29.400.000** đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo Vũ Văn N đã nộp số tiền 288.838.000 đồng vào tài khoản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để khắc phục hậu quả (theo ủy nhiệm chi số 02 lập ngày 03/7/2024 tại kho bạc Nhà nước tỉnh N và Biên lai thu tiền số 0000094 ngày 07/5/2024 thu số tiền 5.313.000 đồng).

Trả lại cho bị cáo Vũ Văn N số tiền 29.350.000 đồng, còn lại sau khi đã trừ các khoản bồi thường nói trên.

4. Về án phí: Bị cáo Vũ Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (01 bản);
 - VKSND cấp cao (01 bản);
 - VKSND tỉnh Ninh Bình (03 bản);
 - Phòng Kiểm tra thi hành án (04 bản);
 - Phòng PC03 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Phòng PC 10 Công an tỉnh Ninh Bình (01 bản);
 - Bị cáo (01 bản);
 - Bị hại (01 bản);
 - Sở tư pháp (01 bản);
 - Lưu hồ sơ (02 bản);
 - Lưu tòa, Tổ hành chính tư pháp (02 bản);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đức Hiệp

